

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số: 01/2024/DS-ST

Ngày 12-3-2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Gia Khải.

Ông Nguyễn Văn Diệu.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 và thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 07/3/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trịnh Thị A, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Tiến B, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt bà A, ông B có đơn xin xử án vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Trịnh Thị A trình bày: Bà A và ông Nguyễn Tiến B là người quen biết cùng sinh sống tại xã Q. Năm 2014 do cần tiền kinh doanh, bà A đã 02 lần cho ông B (không liên quan đến vợ ông B) vay tổng số tiền 220.000.000 đồng cụ thể như sau: Lần 1: ngày 17/01/2014 ông B vay 100.000.000 đồng; Lần 2: ngày 25/3/2014 ông B vay 120.000.000 đồng (khoản tiền cho vay không liên quan đến chồng bà A). Các lần vay hai bên có viết giấy vay tiền, thỏa thuận thời gian trả nợ, lãi suất 2%/1tháng. Đến thời hạn bà A yêu cầu trả nợ, ngày 25/01/2015 ông B

trả 20.000.000đồng tiền gốc, ngày 29/10/2022 ông B trả 30.000.000đồng tiền lãi, ngày 18/4/2023 ông B trả 15.000.000đồng tiền lãi.

Tại buổi hòa giải ngày 22/02/2024 bà A xác nhận ngày 28/4/2017 ông B trả nợ 10.000.000đồng tiền gốc, ngày 19/9/2017 ông B trả nợ 10.000.000đồng tiền gốc và số tiền lãi ông B đã trả hết ngày 31/12/2019. Số tiền còn lại là 180.000.000đồng tiền nợ gốc và hai bên chốt tính tiền lãi của số tiền 180.000.000đồng tính từ ngày 01/01/2020 theo lãi suất Ngân hàng. Bà đã nhiều lần yêu ông B thanh toán, nhưng ông B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông B phải có trách nhiệm trả khoản tiền vay còn nợ là 180.000.000đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*) nếu ông B trả nợ ngay và trả toàn bộ số nợ gốc nói trên cho bà tại phiên hòa giải thì bà không yêu cầu trả tiền lãi suất, nếu ông B không trả nợ ngay thì bà yêu cầu trả tiền lãi suất tính lãi suất theo lãi suất cho vay của Ngân hàng nhà nước quy định từ ngày 01/01/2020 cho đến thời điểm xét xử.

Bị đơn là ông Nguyễn Tiến B tại biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải ông B trình bày: Ông B xác nhận ông có vay của bà A khoản tiền, thời gian vay, thời gian trả nợ và hình thức vay như bà A đã trình bày là đúng. Khoản vay này là nợ riêng của ông đối với bà A. Ông B xác nhận đã trả được một phần tiền gốc và lãi và hiện còn nợ bà A 180.000.000đồng tiền gốc. Do làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn vì vậy thời điểm hiện tại ông chưa trả được. Nay bà A yêu cầu trả số tiền còn nợ 180.000.000đồng ông nhận trách nhiệm sẽ trả nợ nhưng không thể trả ngay bà A như yêu cầu. Ngoài ra ông còn đề nghị bà A miễn phần lãi suất của số tiền trên theo lãi suất Ngân hàng quy định từ tháng 01/2020 cho đến thời điểm xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà A: Buộc ông B phải trả cho bà A số tiền nợ gốc là 180.000.000đồng và số tiền lãi suất tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất cho vay của ngân hàng nhà nước quy định.

- *Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn có đơn đề nghị xin được xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Áp dụng pháp luật giải quyết: Giao dịch dân sự vay tài sản giữa bà A và ông B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự phù hợp với quy định tại Điều 117; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, nên căn cứ vào các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu của bà Trịnh Thị A yêu cầu ông Nguyễn Tiến B phải trả khoản tiền vay nợ thấy rằng: Vào năm 2014 do cần tiền kinh doanh cá nhân, ông B đã 02 lần vay của cá nhân bà A số tiền tổng là 220.000.000đồng: Lần 1: ngày 17/01/2014 ông B vay 100.000.000đồng; Lần 2: ngày 25/3/2014 ông B vay 120.000.000đồng. Tại các lần giao dịch vay tiền hai bên đều viết giấy biên nhận vay tiền ghi rõ thời gian vay, thời gian trả nợ và lãi suất vay. Tại biên bản ghi lời khai của nguyên đơn và bị đơn và tại phiên hòa giải do Tòa án thực hiện các bên đều thừa nhận ông B đã trả nợ cho bà A 40.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến hết năm 2019, số tiền gốc còn lại là 180.000.000đồng chưa thanh toán. Số tiền lãi của khoản tiền còn nợ 180.000.000đồng ông B và bà A xác định từ ngày 01/01/2020 cho đến nay ông B chưa thanh toán.

Về phương thức trả nợ và mức lãi suất: Tại các phiên hòa giải các bên không thỏa thuận được phương thức trả nợ. Bà A yêu cầu ông B trả nợ ngay, trả 01 lần cho bà thì bà không yêu cầu tính lãi suất, nếu ông B không trả nợ ngay thì bà yêu cầu tính lãi suất của khoản nợ còn lại 180.000.000đồng theo lãi suất vay của Ngân hàng nhà nước quy định từ tháng 01/2020 cho đến thời điểm xét xử. Ông B nhận trách nhiệm trả nợ bà A theo phương thức trả dần, không thể trả ngay bà A như yêu cầu. Ngoài ra ông còn đề nghị bà A miễn phần tiền lãi suất vì hiện tại ông đang khó khăn về kinh tế nhưng bà A không đồng ý. Ngày 07/3/2024 ông B làm đơn gửi Tòa án xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà A ra Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ yêu cầu ông B phải trả số tiền gốc còn nợ là 180.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận là phù hợp với quy định của pháp luật. Về yêu cầu trả nợ lãi thấy rằng bà A yêu cầu ông B phải trả khoản tiền lãi suất của khoản nợ còn lại 180.000.000đồng theo lãi suất vay của Ngân hàng quy định từ ngày 01/01/2020 cho đến thời điểm xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật và có cơ sở chấp nhận. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A. Buộc ông B phải có nghĩa vụ trả bà A số tiền nợ gốc còn lại là 180.000.000đồng và số tiền lãi suất của

180.000.000đồng tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất vay của Ngân hàng nhà nước quy định ở từng thời điểm tổng cộng là 74.444.301 đồng là phù hợp với Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí: bà A là người cao tuổi nên không phải nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Yêu cầu khởi kiện của bà A được chấp nhận toàn bộ. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị A. Buộc ông Nguyễn Tiến B phải có trách nhiệm trả cho bà Trịnh Thị A số tiền gốc vay là 180.000.000đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*) và tiền lãi suất theo mức lãi suất vay của Ngân hàng nhà nước quy định tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 12/3/2024 là 74.444.301 đồng (*Bảy mươi tư triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn ba trăm linh một đồng*). Cộng cả hai khoản tiền nói trên buộc ông B phải trả cho bà A số tiền là 254.444.301 đồng (*làm tròn 254.444.000đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định Thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Tiến B phải chịu 12.722.000đồng (*Mười hai triệu bảy trăm hai*

mười hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình.
- VKSND tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện Quỳnh Phụ.
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC